

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2023/HS-ST
Ngày 22-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản và bà Nguyễn Thị Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 206/2023/TLST-HS ngày 04/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2023/QĐXXST- HS ngày 11/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T, sinh năm 1995 tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn C và bà Hoàng Thị X; bị cáo có vợ là Sa Thị P và 01 con; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 21/6/2021.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2023, có mặt.

2. Lương Thị Đ, sinh năm 1993 tại huyện Y, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lương Văn T và bà Vi Thị L (Đều đã chết), bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa tiền án).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2023, có mặt.

- **Bị hại:** Anh Sông A G, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Bản C, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Lương Văn V, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi trộm cắp tài sản của Lò Văn T và Lương Thị Đ.

Khoảng 09 giờ ngày 25/4/2023 T và Đ đi đến chân đồi bãi dâu thuộc bản A, xã Đ, huyện M thì nhìn thấy có một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-WAVE-RSX, BKS 26G1-1....48, màu sơn trắng đỏ đen của Sông A G, sinh năm 1998, nơi cư trú: Bản C, xã Đ, huyện M đang dựng ở bụi cây không có người trông coi nên hai người bàn nhau cùng trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu. T dùng tay kéo dây điện của ổ khóa ở phía bên dưới cổ xe máy, rút rắc dây điện và đầu nối hai dây điện của ổ khóa điện vào với nhau, còn Đ đứng canh giới. Sau đó T khởi động xe máy điều khiển chở Đ đến quán thu mua sắt vụn của Lương Văn V, sinh năm 1998, nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La bán chiếc xe máy cho V với giá 800.000 đồng, khi mua bán V không biết tài sản do trộm cắp mà có. Số tiền bán xe T và Đ đã cùng nhau chi tiêu hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, gia đình Sông A G tổ chức đi tìm kiếm, đến ngày 24/5/2023 có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu.

2. Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của Lò Văn T và Lương Thị Đ.

Sáng ngày 21/5/2023 T và Đ cùng nhau đi đến nhà Hoàng Đức N, sinh năm 1999, nơi cư trú: Bản A, xã Đ chơi và xin nghỉ nhờ tại 1 phòng trọ bỏ không của gia đình N, do trước đây T và Đ đã từng làm thuê cho N nên N đồng ý cho nghỉ nhờ tại 1 phòng ngủ bỏ trống của gia đình. Khi nằm nghỉ tại gia đình N, do lên cơn nghiện ma túy nên T và Đ bàn nhau đi đến nhà Đào Đình L, sinh năm 1970, nơi cư trú: Bản A, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La để lấy công phụ xây mà trước đây L còn đang nợ để đi mua ma túy mang về cùng nhau sử dụng, T đi đến nhà L còn Đ ở lại nhà N. Khi T đến nhà L gặp L đang ở nhà và được L trả cho 200.000 đồng, sau đó T đi xe ôm của một người không quen biết đến bản C, xã Đ, huyện M mục đích để tìm mua ma túy mang về để cùng Đ sử dụng, khi đến nơi T xuống xe bảo người lái xe ôm chờ ở ngoài còn T đi bộ vào trong bản thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, T đã hỏi và mua được của người đó 01 gói Heroine được gói bằng nolin màu xanh với giá 100.000 đồng, sau khi mua được ma túy T cất giấu vào trong người và đi về đến gần nhà N thì người đó dừng xe, T trả tiền xe ôm hết 100.000 đồng rồi đi vào phòng ngủ gia đình N, T bảo với Đ đã mua được ma

túy, sau đó cả hai người lấy 01 chiếc xilanh ra và cho một ít Heroine vào trong xilanh để cùng nhau sử dụng ma túy bằng cách chích vào cơ thể, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy xong, số ma túy còn lại T gói lại như cũ rồi cất giấu ở dưới chiếc gối của giường nằm, còn chiếc bơm kim tiêm để bên cạnh nơi Đ đang nằm. Đến khoảng 18 giờ 05 phút cùng ngày T và Đ thấy tổ công tác Công an xã Đ đi đến kiểm tra T cầm gói ma túy vớt ra cửa sổ, còn Đ cầm chiếc xi lanh vớt ra cửa sổ bị tổ công tác phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ 01 gói nilon màu xanh bên trong cục chất bột màu trắng và 01 chiếc bơm kim tiêm.

Ngày 22/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành xác định khối lượng số cục chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ được 0,11 gam, lấy toàn bộ làm mẫu trung cầu giám định, mẫu có ký hiệu T. Tại Kết luận giám định số 1065 ngày 23/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

- Mẫu gửi giám định ký hiệu T là ma túy; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là: *Diacetylmorphine*, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,11 gam, loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là: *Diacetylmorphine*, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Ngày 22/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Xác định hiện trường nơi Lò Văn T và Lương Thị Đ vớt chất ma túy bị thu giữ là tại khu vực nhà ở của Hoàng Đức N ở bản A, xã Đ, huyện M. Phía Bắc tiếp giáp với bãi đất trống, phía Nam tiếp giáp với nhà của Hoàng Thị T, sinh năm 1976, phía Đông tiếp giáp với sân bê tông, phía Tây tiếp giáp với vườn cây của gia đình Hoàng Đức N.

Hiện trường cụ thể: Nhà xây cấp 4 mái lợp tôn, có diện tích 7,8m x 11m, được bố trí 01 phòng khách, 03 phòng ngủ. Phòng thứ nhất cách cửa chính 2m, phòng thứ 2 cách cửa chính 3,9m, phòng số 3 cách cửa chính 6,7m, tiếp đến khu vệ sinh đang xây dựng. Phòng số 02 được xác định vị trí số 01, là phòng Lò Văn T và Lương Thị Đ sử dụng ma túy, trong phòng có kê một số đồ dùng, phòng có kích thước 2,7 x 3m, tường hướng bắc có 01 cửa sổ kích thước 1,2 x 1,4 m được che bằng tôn, trên cửa có khoảng trống kích thước 0,15m x 1,2m. Vị trí số 02 nơi phát hiện gói nilon màu xanh, cách tường hướng Bắc 2,1m, cách mép dưới cửa sổ 2,5m. Quá trình khám nghiệm không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 23/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Xác định hiện trường nơi Lò Văn T và Lương Thị Đ trộm cắp tài sản xảy ra tại khu vực đường mòn đi lên nương của người dân bản A, xã Đ, huyện M. Phía Bắc tiếp giáp với đường mòn, phía Nam tiếp giáp với núi đá, phía Đông tiếp giáp với rừng cây, phía Tây tiếp giáp với nương của Sông A Sò, sinh năm 1994. Tại hiện trường xác định vị trí nơi Sông A G để chiếc xe máy, cách đường mòn 2m, cách mép nương nhà Sông A Sò là 6m. Quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 23/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu định giá đối chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-WAVE-RSX, BKS 26G1-1.....48. Ngày 23/5/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-WAVE-RSX, BKS 26G1-1.....48 có giá trị 6.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu trao trả cho Sông A G chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-WAVE-RSX, BKS 26G1-1....48. Anh Sông A G đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác.

Ngày 20/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành cho Lương Văn V nhận dạng qua ảnh đối với Lò Văn T và Lương Thị Đ, kết quả Lương Văn V xác nhận T và Đ là người đã bán chiếc xe máy BKS 26G1- 1.....48 cho Vương. Anh Lương Văn V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 800.000đ anh đã bỏ ra để mua chiếc xe máy BKS 26G1- 1....48.

Bản cáo trạng số 161/CT-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố Lò Văn T và Lương Thị Đ về 02 tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Lương Thị Đ phạm 02 tội “Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 22 tháng đến 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lò Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 31 tháng đến 38 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo Lò Văn T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ từ 8 tháng đến 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 29 tháng đến 35 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo Lương Thị Đ.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc bị hại anh Sòng A G không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào.

Ghi nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn V không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 800.000đ.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng vụ Lò Văn T và Lương Thị Đ tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 21/5/2023 (vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng 01 (một) xi lanh tiêm đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ ngày 21/5/2023; 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lương Thị Đ ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính và 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lò Văn T ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính.

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26G1- 1.....48 cho anh Sòng A G.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lương Thị Đ thuộc hộ nghèo. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Thị Đ.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án các bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại anh Sòng A G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của anh G, anh V không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292; khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về tội danh*: Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan Điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm

giữ; biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định; kết luận giám định; lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản khám xét và vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng; kết luận định giá tài sản; lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/4/2023 các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp của anh Sông A G 01 chiếc xe máy BKS 26G1- 1....48 trị giá 6.000.000 đồng, mục đích để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi trên của các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Ngày 21/5/2023 các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ đã có hành vi tàng trữ 0,11 gam Heroine nhằm mục đích để cùng nhau sử dụng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất và mức độ tham gia của từng người đồng phạm:

Bị cáo Lò Văn T là người khởi xướng hành vi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp đi mua ma túy nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Lương Thị Đ là người cùng tham gia bàn bạc để trộm cắp tài sản, cùng bàn bạc việc đi mua ma túy để cùng sử dụng nên giữ vai trò đồng phạm trong vụ án.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng tệ nạn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy và có nhân thân xấu. Bị cáo Lò Văn T có 01 tiền sự theo Quyết định số 195/QĐ-TA ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lò Văn T với thời hạn 24 tháng, chưa được xóa tiền sự. Bị cáo Lương Thị Đ đã có 01 tiền án theo bản án số 106/2019/HSST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt Lương Thị Đ 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích, tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục lún sâu vào con đường phạm tội.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về hình phạt bổ sung (phạt tiền):* Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, sống chung với gia đình, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, bị cáo Lương Thị Đ thuộc hộ nghèo, do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Đối với bị hại anh Sông A G, quá trình điều tra anh Già đã được nhận lại chiếc xe bị mất nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh khoản chi phí nào, xét là tự nguyện cần ghi nhận.

Đối với anh Lương Văn V đã bỏ ra số tiền 800.000đ để mua chiếc xe máy BKS 26G1- 1.....48 do các bị cáo trộm cắp, quá trình điều tra anh V đã giao lại chiếc xe máy trên cho Cơ quan điều tra để giao trả cho bị hại. Xét thấy số tiền 800.000đ là tài sản hợp pháp của anh Lương Văn V, tuy nhiên anh không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền trên, xét là tự nguyện cần ghi nhận.

[4] *Về vật chứng, xử lý vật chứng:*

Đối với 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng vụ Lò Văn T và Lương Thị Đ tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 21/5/2023 (vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng 01 (một) xi lanh tiêm đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ ngày 21/5/2023; 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lương Thị Đ ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính và 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lò Văn T ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính. Xét thấy, đây là những vật không có giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu BKS 26G1- 1.....48 trị giá 6.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của anh Sông A G, ngày 12/6/2023 Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả chiếc xe máy trên cho anh Sông A G là đúng quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo Lò Văn T và người lái xe ôm chở T đi mua ma túy như T đã khai, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

Đối với Hoàng Đức N không biết việc Lò Văn T và Lương Thị Đ cất giấu và sử dụng ma túy tại nhà của N. Đối với Đào Đình L không biết việc Tiền và Đ sử dụng số tiền 200.000đ để đi mua ma túy nên không đề cập đến biện pháp xử lý đối với L và N.

[6] Về án phí:

Bị cáo Lương Thị Đ thuộc hộ nghèo. Tại phiên tòa bị cáo xin được miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về thời hạn tạm giam của các bị cáo: Xét thấy, thời hạn tạm giam của các bị cáo còn lại dưới 45 ngày, do đó, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 11 (Mười một) tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị

cáo Lò Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 35 (Ba mươi lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ 10 (Mười) tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Đ phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ 22 (Hai mươi hai) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 32 (Ba mươi hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc bị hại anh Sông A G không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào.

Ghi nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn V không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26G1- 1.....48 cho anh Sông A G.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng vụ Lò Văn T và Lương Thị Đ tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 21/5/2023 (vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng 01 (một) xi lanh tiêm đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ ngày 21/5/2023; 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lương Thị Đ ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính và 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lò Văn T ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính.

5. Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Thị Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- THAHS;
- Sở Tư pháp ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Án văn, Lưu HSVA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày tháng năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2023;

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 206/2023/TLST-HS ngày 04/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T, sinh năm 1995 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Piềng Lán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2. Lương Thị Đ, sinh năm 1993 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Tà Làng Thấp, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Biểu quyết: 3/3;

2. Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, các bị cáo cung cấp đều hợp pháp. Biểu quyết: 3/3;

3. Có đủ căn cứ kết tội: Các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị Đ phạm tội 02 tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Biểu quyết: 3/3;

4. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Đối với bị cáo Lò Văn T:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lò Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lương Thị Đ:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Đ phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

Biểu quyết: 3/3

5. Các bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Biểu quyết: 3/3

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc bị hại anh Sông A G không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào.

Ghi nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn V không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 800.000đ.

7. Về xử lý vật chứng, án phí hình sự:

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26G1- 167.48 cho anh Sông Anh Già.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng vụ Lò Văn T và Lương Thị Đ tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 21/5/2023 (vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Vật chứng 01 (một) xi lanh tiêm đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn T và Lương Thị Đ ngày 21/5/2023; 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lương Thị Đ ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính và 01 (một) phong bì thư có ghi dòng chữ: Test thử ma túy đối với Lò Văn T ngày 22/5/2023. Kết quả dương tính.

* Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Thị Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Biểu quyết: 3/3.

8. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

Biểu quyết: 3/3.

9. Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo Lò Văn T và người lái xe ôm chở Tiền đi mua ma túy như Tiền đã khai, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

Đối với Hoàng Đức N không biết việc Lò Văn T và Lương Thị Đ cất giấu và sử dụng ma túy tại nhà của Nam. Đối với Đào Đình L không biết việc Tiền và Đào sử dụng số tiền 200.000đ để đi mua ma túy nên không đề cập đến biện pháp xử lý đối với Lập và Nam.

Biểu quyết: 3/3

10. Về thời hạn tạm giam: Xét thấy thời hạn tạm giam của các bị cáo còn lại dưới 45 ngày, do đó, Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Biểu quyết: 3/3

11. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Biểu quyết: 3/3

12. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hương